

VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN TRONG LUẬT HÌNH SỰ CANADA

*Trịnh Quốc Toàn**

1. Lịch sử vấn đề

Ở Canada, trong nhiều thế kỷ, luật hình sự (LHS) được hình thành trên cơ sở án lệ của các Tòa án trong việc giải quyết từng trường hợp phạm tội cụ thể của cá nhân.

Tuy nhiên, các Thẩm phán đã luôn gặp khó khăn trong việc áp dụng các quy phạm của thông luật (common law) về trách nhiệm hình sự (TNHS) cá nhân đối với pháp nhân phạm tội, bởi vì, các pháp nhân là những trừu tượng pháp lý, nó chỉ có thể hành động qua trung gian của các cá nhân cụ thể.

Tiếp thu kinh nghiệm của các Tòa án Anh trong việc giải quyết vấn đề TNHS của pháp nhân, từ cuối thế kỷ XIX, thời điểm mà những tổ chức quan trọng, đặc biệt là các công ty đường sắt ngày càng giữ một vai trò quan trọng về phương diện kinh tế, các Tòa án Canada tiến hành xử lý về hình sự đối với pháp nhân phạm tội. Thời kỳ đầu, các cơ quan xét xử chỉ trừng phạt pháp nhân phạm các tội xâm phạm tài sản, tiếp theo là các tội phạm gây hại cho đời sống cộng đồng như gây tiếng ồn, làm ô nhiễm môi trường..., sau đó tiến tới trừng phạt các pháp nhân thực hiện những tội phạm khác.

Các Tòa án Canada, trên cơ sở các phán quyết từ vụ án này đến vụ án khác đã xây dựng nên chế định TNHS của pháp nhân trong LHS của nước mình. Đáng chú ý nhất là phán quyết của Estey, Thẩm phán Tòa án tối cao trong vụ án Canadian Dredge & Dock Co. c. La Reine (1985)¹. Nó được coi là phán quyết quan trọng nhất trên lĩnh vực TNHS của pháp nhân. Thẩm phán Estey, trong quyết định của mình sau khi trình bày tóm tắt lịch sử tâm quan trọng của học

thuyết "Trách nhiệm đối với hành vi của người khác" (*respondeat superior*) trong thông luật và chỉ ra những khó khăn khi áp dụng học thuyết này trong xét xử hình sự, đã nhấn mạnh sự cần thiết của học thuyết về đồng nhất hoá (doctrine de l'identification) mà các Tòa án Anh quốc đang áp dụng². Trong khi giải quyết vụ án, tuy Thẩm phán Estey đã chấp nhận cơ sở lý thuyết đồng nhất hoá cho việc hình thành nên TNHS của pháp nhân, nhưng ông cho rằng cần thiết phải mở rộng phạm vi những cá nhân có thể dẫn tới TNHS của pháp nhân.

Trong pháp luật thực định, lần đầu tiên TNHS của pháp nhân được ghi nhận trong BLHS của Canada. Về chủ thể của tội phạm, Điều 2 BLHS quy định: những từ "người nào", "cá nhân", "người" và "chủ sở hữu" bao gồm cả các pháp nhân, các hội, các công ty, giáo xứ, hội đồng thị chính.

Vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Canada tiến hành cải cách pháp luật hình sự (PLHS). Năm 1976, ủy ban cải cách pháp luật của Canada đã đưa vấn đề TNHS của pháp nhân ra thảo luận và sau đó có những khuyến nghị có lợi cho chế định này. Mười năm sau, trong báo cáo có tiêu đề "Về việc pháp điển hoá mới pháp luật hình sự" ủy ban này đã đề nghị pháp điển hoá trong lĩnh vực TNHS của pháp nhân. Báo cáo đề nghị cách trình bày như sau:

2(5)(a) Đối với các tội phạm mà định nghĩa về nó đòi hỏi ý định phạm tội, tất cả các pháp nhân chịu trách nhiệm về xử sự của người quản lý, người lãnh đạo và các

* Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật ĐHQG Hà Nội

¹ Canadian Dredge & Dock Co. c. La Reine (1985) 1 R.C.S. 662;

² Trịnh Quốc Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự nước Anh, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế-Luật, T.XVIII, Số 3. 2002; Phạm vi và điều kiện áp dụng trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong LHS Anh, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế-Luật, T.XIX, Số 1. 2003.

nhân viên của pháp nhân hành động trên danh nghĩa của pháp nhân hoặc trong những giới hạn thuộc thẩm quyền của họ, và người ta có thể coi như họ đã được trao những thẩm quyền trong việc soạn thảo và áp dụng các chính sách của pháp nhân.

(b) Đối với các tội phạm do vô ý, một pháp nhân có thể bị xem xét trách nhiệm theo đúng như điểm (a) nêu trên, ngay cả khi người quản lý, người lãnh đạo hoặc nhân viên của pháp nhân có thể không bị chịu trách nhiệm cá nhân về cùng một tội phạm.

Sau đó vấn đề TNHS của pháp nhân được tiếp tục nghiên cứu bởi một Tiểu ban của ủy ban thường trực về Tư pháp và các quyền con người của Nghị viện và Tiểu ban này đã đưa ra một khuyến nghị năm 1993.

Tháng 6 năm 1993, Bộ tư pháp Canada phát hành sách trắng (livre blanc) có tiêu đề “*Đề nghị sửa đổi BLHS (những nguyên tắc chung)*”, trong đó chứa đựng những quy định riêng liên quan tới TNHS của pháp nhân. Sách trắng không chỉ mô phỏng lại quy định về sự đồng nhất hoá được Toà án tối cao Canada áp dụng mà còn đưa ra những đề nghị mới như việc thừa nhận tội phạm là hành vi tập thể của các cá nhân, về mối quan hệ giữa lỗi của cá nhân với lỗi của pháp nhân, mở rộng phạm vi áp dụng thuyết đồng nhất hoá trong việc xác định TNHS của pháp nhân...

Tuy vậy, không có một đề nghị nào nêu trên đây được Quốc hội Canada chấp thuận đưa vào luật để áp dụng.

Vấn đề TNHS của pháp nhân chỉ được đặc biệt quan tâm sau khi xảy ra thảm họa ngày 9/5/1992 trong hầm lò Westray thuộc bang Nouvelle-écosse làm chết 26 công nhân. Ủy ban điều tra sự việc do Thẩm phán K. Peter Richard lãnh đạo đã trình bày báo cáo tháng 11 năm 1997 với tiêu đề: “*Lịch sử của Westray*”: “*Một thảm họa dự báo trước*”.

Báo cáo điều tra cho biết vụ nổ xảy ra trong hầm lò Westray, làm chết 26 người thợ lò là do lỗi khinh xuất của lãnh đạo công ty Curragh. Những nhà khai thác mỏ đã không

đảm bảo các điều kiện an toàn tối thiểu trong lao động và chính nó đã trực tiếp góp phần gây ra thảm họa trên.

Tuy nhiên, đối với hành vi khinh xuất này TNHS không đặt ra đối với pháp nhân, cho nên, mặc dù có sự khiếu nại quyết liệt của các gia đình nạn nhân và các nghiệp đoàn của họ, Công ty Curragh vẫn không bị truy tố, xét xử.

Ủy ban điều tra đã yêu cầu Chính phủ liên bang cần phải tiến hành một cuộc kiểm tra trách nhiệm của cán bộ và giám đốc nhà máy đối với những hành vi trái pháp luật của pháp nhân và trình lên Nghị viện những sửa đổi cần thiết trong BLHS đến mức có thể làm cho những người lãnh đạo pháp nhân và pháp nhân phải chịu TNHS về những hành vi vi phạm nghiêm trọng các quy định về an toàn lao động xảy ra trong đơn vị mình.

Trước yêu cầu của ủy ban điều tra nêu trên và sau đó là của Tổng trưởng Công tố viên bang Nouvelle-écosse, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Canada đã chấp nhận nghiêng về vấn đề TNHS của pháp nhân. Khuyến nghị 73 đã cho phép trình bản kiến nghị và dự án luật chứa đựng những nội dung mới liên quan tới TNHS của pháp nhân.

Sau một thời gian soạn thảo và chỉnh lý, ngày 13/6/2003, Bộ trưởng Bộ tư pháp Martin Cauchon đã trình bày Dự án luật được biết đến dưới cái tên Dự án luật về Westray hay là Dự án luật C- 45, Luật sửa đổi BLHS. Dự luật này được thông qua ngày 7/11/2003 và có hiệu lực ngày 31/3/2004.

Luật sửa đổi BLHS (TNHS của pháp nhân) năm 2003 có những sửa đổi, bổ sung cơ bản sau:

- Mở rộng chủ thể phải chịu TNHS, trong đó bao gồm tất cả các hiệp hội có cấu trúc và mục đích chung;

- Hiện đại hoá tiêu chuẩn người lãnh đạo “*ame dirigeante*”, trong đó bao gồm các cán bộ cấp trên;

- Pháp điển hoá các quy định về trách nhiệm hình sự đối với các pháp nhân và các tổ chức khác;

Thiết lập 10 yếu tố đòi hỏi Thẩm phán xét xử cần phải cân nhắc khi quyết định hình phạt;

- Nâng mức phạt tiền mà pháp nhân và các tổ chức khác phạm tội phải chịu đối với vụ án xét xử theo thủ tục tố tụng rút ngắn;

- Thiết lập những điều kiện của biện pháp thử thách tùy nghi đối với pháp nhân và các tổ chức khác phạm tội;

- Nghĩa vụ của pháp nhân và các tổ chức khác áp dụng các biện pháp phòng ngừa đối với người lao động.

2. Phạm vi áp dụng TNHS của pháp nhân

2.1. Pháp nhân và các tổ chức khác với tư cách là chủ thể của trách nhiệm hình sự

Trước khi có Luật sửa đổi BLHS năm 2003, Điều 2 BLHS đã quy định những thuật ngữ “người nào”, “cá nhân”, “người” và “chủ sở hữu” bao gồm cả các pháp nhân, các hội, các công ty, giáo xứ, hội đồng thị chính.

Luật sửa đổi bổ sung BLHS chỉ đề cập đến TNHS của pháp nhân và không thay đổi những quy định về TNHS của thể nhân. Luật này không chỉ tập hợp hoá các quy định về TNHS của pháp nhân đang có hiệu lực thi hành mà đồng thời còn hiện đại hoá nó nhằm giải quyết có hiệu quả vấn đề TNHS liên quan tới sự phức tạp càng tăng lên của các cấu trúc có tính tổ chức trong xã hội.

Theo Điều 2 BLHS sửa đổi, chủ thể của TNHS của pháp nhân bao gồm:

a/ Đoàn thể công lập, pháp nhân, hội, công ty, hội công-nhân, xí nghiệp, hiệp đoàn chuyên nghiệp hoặc hội đồng thị chính;

b/ Hiệp hội mà đồng thời:

- (i) được thành lập vì mục đích chung,
- (ii) có cơ cấu tổ chức riêng;
- (iii) được quảng bá công khai như là một tổng hội công-nhân.

Như vậy, chủ thể của TNHS của pháp nhân theo quy định trên là rất rộng, nó có thể là các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức, đảng phái chính trị, các nhóm, các pháp nhân (các pháp nhân theo luật công hoặc luật tư - như cách phân biệt theo hệ thống civil law), các công ty, xí nghiệp, các

ngiệp đoàn, các đoàn thể công lập, hội đồng thị chính tỉnh, khu, quận, công xã...

Khái niệm chủ thể của TNHS của pháp nhân nêu trên bao gồm cả tổng thể những cá nhân liên kết với nhau, mặc dù những nhóm, hội hoặc hiệp hội đó (unicorporated association) trong thực tế không có tư cách pháp nhân, tức là nó không có khả năng hưởng các quyền và gánh vác các nghĩa vụ pháp lý nhất định. Những nhóm, hội, hiệp hội này vẫn có thể coi là chủ thể của TNHS của pháp nhân nếu phạm tội.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên cho thấy pháp nhân (tổ chức) với tư cách là chủ thể của TNHS có thể là những thực thể tổ chức hoặc thực thể cá thể có tư cách pháp nhân (corporations), nhưng cũng có thể là các nhóm, hội, hiệp hội... không có tư cách pháp nhân. Như vậy, có thể nói, pháp nhân (tổ chức) với tư cách là chủ thể TNHS rộng hơn nhiều so với pháp nhân có tư cách là chủ thể trách nhiệm dân sự, kinh tế.

2.2. Các tội phạm có thể được thực hiện bởi pháp nhân hoặc các tổ chức khác.

Theo BLHS hiện hành và thực tiễn xét xử của các Tòa án Canada, TNHS của pháp nhân có giá trị như là một nguyên tắc chung được áp dụng không chỉ trong LHS phân chung (droit pénal général) mà còn trong các lĩnh vực của LHS phân riêng (droit pénal spécial) như: LHS về thuế, LHS về môi trường, lao động, thương mại hoặc các lĩnh vực khác.

Nguyên tắc TNHS của pháp nhân được áp dụng đối với mọi tội phạm. Quy định này tương tự như Điều 51 BLHS Hà Lan và Điều 5 mới của BLHS Bỉ, nhưng so với quy định trong LHS của Pháp và của Trung Quốc thì phạm vi áp dụng TNHS đối với các tội phạm được quy định trong LHS Canada rộng hơn. Điều 121-2 BLHS mới của Pháp quy định: Pháp nhân chỉ chịu trách nhiệm hình sự về những trường hợp mà Luật hoặc Nghị định có quy định. Điều 30 BLHS Năm 1997 của Trung quốc cũng quy định tương tự như trên.

3. Điều kiện áp dụng TNHS đối với pháp nhân

Do pháp nhân không thể hành động trực tiếp về vật chất hoặc tinh thần đối với các sự việc phạm tội, vì thế nó chỉ có thể bị quy kết về một tội phạm là nhờ vào thể nhân, người đại diện cho pháp nhân, phạm tội thay cho pháp nhân và vì quyền lợi của pháp nhân, bởi thế, thể nhân chỉ là phương tiện có ý thức hoặc là cái đỡ cho pháp nhân. Thể nhân đã thay thế pháp nhân tiến hành một vụ việc xác định. Với cách diễn tả hình tượng, có thể nói pháp nhân hóa thân vào thể nhân: đó là sự hoá thân thật sự, vì pháp nhân, nó không có da, có thịt, không có chân tay, nó nằm trong thể nhân để thực hiện một tội hoặc là cái đỡ cho pháp nhân. Thể nhân đã thay thế pháp nhân tiến hành một vụ việc phạm tội xác định.

Để quy kết TNHS đối với pháp nhân, các Toà án Canada không vận dụng thuyết "Trách nhiệm đối với hành vi của người khác" (respondeat superior). Lý thuyết này hiện nay còn được áp dụng bởi các Toà án liên bang Mỹ³. Áp dụng đối với pháp nhân, thuyết này cho phép tính tới trách nhiệm của pháp nhân đối với những hành vi của nhân viên của mình, người đại diện hoặc tất cả những người khác thuộc về pháp nhân. Trường phái trách nhiệm về hành vi của người khác được phát triển có nguồn gốc trong khung cảnh của trách nhiệm dân sự được tiếp nhận thận trọng trong lĩnh vực hình sự, trong khi các tội phạm kiểu này chủ yếu chịu trách nhiệm tuyệt đối (strict liability).

Một trong những hạn chế của trường phái này là vì nó vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc lỗi (mens rea), bởi vì lỗi của người thực hiện tội phạm bị quy kết tự động cho người khác, mà người này lại không có lỗi. Mặt khác, nó đòi hỏi mối quan hệ lệ thuộc rất chặt chẽ giữa nghiệp chủ và người lao động đã thực hiện tội phạm để xác định trách nhiệm đối với nghiệp chủ. Trong phán quyết về vụ án *Min. de l'Emploi et de Immigration c. Bhatnager* (1990) 2 R.C.S 217

⁴, toà án tối cao đã chỉ rõ việc áp dụng thuyết trách nhiệm trên cơ sở hành vi của người khác trong LHS là đối lập với các nguyên tắc cơ bản của nền tư pháp dân chủ.

Hiện nay, LHS và thực tiễn xét xử của các Toà án Canada chỉ thừa nhận thuyết đồng nhất hoá là cơ sở hình thành nên TNHS của pháp nhân, có nguồn gốc từ thực tiễn xét xử của Toà án Anh quốc.

Theo lý thuyết đồng nhất hoá, những quyết định được ban hành, được thực hiện bởi một số người lãnh đạo nhất định có ảnh hưởng của pháp nhân được coi là tương tự như những hành vi của chính pháp nhân. Lý thuyết này tìm thấy cội nguồn từ phán quyết trong vụ án "*Lennard's Carrying Company Ltd. v. Asiatic Petroleum Company Ltd*" năm 1915⁵.

Giai đoạn đầu, lý thuyết này chủ yếu được áp dụng trong lĩnh vực luật hàng hải. Trong lĩnh vực LHS, sau một thời gian dài do dự, cuối cùng, trên cơ sở lý thuyết về đồng nhất, các Toà án Anh đã nhất trí là TNHS của pháp nhân có thể được áp dụng đối với các tội phạm khác - các tội cần thoả mãn các dấu hiệu khách quan và cả các dấu hiệu chủ quan (actus và mens rea), chứ không chỉ đối với các tội theo chế độ trách nhiệm khách quan không cần có bằng chứng về lỗi (strict liability).

Trong phần nhận định về vụ án "*H.L. Bolton (Eningeering) Company Ltd. v. T.J. Graham & Son Ltd.*" năm 1957⁶, Lord Denning đã so sánh công ty với cá nhân như sau: "Một công ty có thể, với nhiều danh nghĩa, được so sánh với con người. Nó có bộ não, có trung tâm thần kinh, kiểm tra những gì nó làm. Nó cũng có tay để cầm công cụ và hành động theo các mệnh lệnh của hệ thần kinh trung ương".

³ *Egan v. U.S.* (1943), 137 F.2d 369 (6th Cir. C.A.); *U.S. v. Basic Construction* (1983), 711 F. 2d 570 (5th Cir. C.A).

⁴ *Min. de l'Emploi et de Immigration c. Bhatnager* (1990) 2 R.C.S 217

⁵ *Lennard's Carrying Company Ltd. v. Asiatic Petroleum Company Ltd.* (1915) A.C.705

⁶ *H.L. Bolton (Eningeering) Company Ltd. v. T.J. Graham & Son Ltd* (1957) I.Q.B. 159, 172.

Lý thuyết đồng nhất hoá cuối cùng đã được áp dụng thống nhất trong LHS của Anh quốc từ năm 1971, kể từ khi có quyết định trong vụ án "Tesco Supermarkets Ltd. v. Nattrass"⁷.

Ở Anh, hiện nay, lý thuyết đồng nhất hoá đòi hỏi duy nhất người lãnh đạo, chính người này nắm giữ vai trò trung tâm của tổ chức mới hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết của lỗi và như vậy mới có thể bị truy cứu TNHS về tội phạm đã thực hiện. Các Tòa án không chấp nhận quan điểm tổng hợp các lỗi nhỏ của nhiều người trong pháp nhân để tạo nên một lỗi nặng hơn có thể buộc pháp nhân đó phải gánh chịu.

Còn ở Canada, trong quyết định quan trọng "Canadian Dredge & Dock Co.c. La Reine (1985), Tòa án tối cao đã chấp nhận thuyết đồng nhất hoá để thiết lập TNHS của pháp nhân, nhưng lại có những điều chỉnh nhất định. Trong khi thừa nhận cơ sở lý thuyết đồng nhất hoá của người Anh, Thẩm phán Estey đã mở rộng phạm vi những người mà hành vi phạm tội của họ có thể dẫn đến TNHS đối với pháp nhân. Đó là hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc, người quản lý và bất cứ ai nhận được sự ủy quyền của hội đồng quản trị. Tòa án tối cao thừa nhận là sự ủy quyền và ủy quyền lại quyền của trung tâm trong các thực thể khác nhau về địa lý không ngăn cản việc áp dụng thuyết đồng nhất hoá.

Cũng theo quyết định St. Lawrence và một số quyết định khác, thì một công ty có thể có nhiều người lãnh đạo. Ví dụ, trong các công ty vận tải, tất yếu phải được vận hành bởi sự ủy quyền và ủy quyền lại của quyền lực trung tâm; bởi sự phân chia và bị phân chia lại của các trung tâm đầu não; và bởi sự phân quyền thông qua sự ủy quyền của các cơ quan lãnh đạo công ty. Chỉ có những nhân viên của công ty mà đối với họ các thẩm quyền liên quan tới sự lãnh đạo công ty được ủy quyền có thể dẫn tới trách nhiệm của

công ty. Tuy nhiên, khái niệm ủy quyền được hiểu rộng hơn khái niệm này trong quyết định Tesco [Tesco Supermarkets Ltd. v. Nattrass] của người Anh.

Trường hợp người lãnh đạo, người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của pháp nhân nhưng lại phạm tội do vượt quá thẩm quyền được trao, hoặc lợi dụng danh nghĩa pháp lý hoặc vật chất của pháp nhân để thực hiện tội phạm vì quyền lợi của mình hoặc lợi ích của mình, ví dụ người lãnh đạo nhà máy đã sử dụng danh nghĩa của nhà máy thực hiện hành vi lừa đảo cho lợi ích riêng của anh ta thì về nguyên tắc chỉ có cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm về tội phạm đó còn pháp nhân sẽ không bị truy cứu TNHS về hành vi vượt quá của họ.

Trong vụ án Rhône (Le) c. Peter A.B. Widener (le) (1993)⁸, khi xử lý vụ án, một câu hỏi được đặt ra là thuyền trưởng chịu trách nhiệm về tổn thất khi vận chuyển hàng hoá có thể được xem là người lãnh đạo của pháp nhân sở hữu con tàu đó dẫn đến trách nhiệm của pháp nhân không?

Thẩm phán Lacobucci đã nêu lên tầm quan trọng trong việc xác định người lãnh đạo (l'âme dirigeante) như sau: Như các căn cứ mà Thẩm phán Estey đã chỉ ra, cần phải tự hỏi, nhất là đối với cá nhân bị tình nghi, trong khuôn khổ thẩm quyền của chính họ, họ có được ủy quyền lãnh đạo của công ty không? Theo giải thích của Thẩm phán Lacobucci, thì Thẩm phán Estey muốn nói rằng, thẩm quyền chuyên biệt được trao cho một nhân viên là một sự ủy quyền lãnh đạo rõ ràng hoặc ngầm để diễn đạt các chính sách của công ty và giám sát sự áp dụng, chứ không đơn giản chỉ là sự thực hiện chúng. Với cách nói khác, các Tòa án cần phải kiểm tra ai đã được trao quyền quyết định trong phạm vi hoạt động thường xuyên của công ty⁹.

⁷ Tesco Supermarkets Ltd. v. Nattrass 1972) A.C. 705.

⁸ Rhône (Le) c. Peter A.B. Widener (le) (1993) I.R.C.S. 497.

⁹ Rhône (Le) c. Peter A.B. Widener (le) (1993) I.R.C.S. 497.

Như vậy yếu tố bản lề để phân biệt người lãnh đạo của công ty với các nhân viên của công ty là năng lực tiến hành thẩm quyền quyết định những vấn đề thuộc chính sách chung của pháp nhân chứ không phải đơn thuần là áp dụng chính sách trong phạm vi các thao tác nghề nghiệp.

Luật sửa đổi bổ sung BLHS quy định pháp nhân chỉ có thể bị chịu trách nhiệm về những hành vi (hành động hoặc không hành động) của các cán bộ cấp trên (cadres supérieurs). Cán bộ cấp trên bao gồm tất cả những người đảm nhận vai trò quan trọng trong:

- Việc soạn thảo những định hướng của tổ chức;
- Quản lý những lĩnh vực hoạt động quan trọng của tổ chức.

Định nghĩa trên như vậy là nhằm vào chức năng của người đảm nhiệm, chứ không chỉ là chức vị.

Định nghĩa trình bày rõ ràng là những người quản lý hành chính, những người lãnh đạo thứ nhất và giám đốc tài chính của một tổ chức, vì bản chất chức vị của họ trong tổ chức, đương nhiên là những người lãnh đạo cấp trên. Một tổ chức bị cáo buộc về một tội phạm không thể lại là những người đảm nhiệm các chức vị như trên không có vai trò trong soạn thảo các định hướng hoặc trong quản lý tổ chức và vì thế không phải là các cán bộ cấp trên.

Một vấn đề được đặt ra là khi nào một cán bộ cấp trên của tổ chức được coi là tham gia tội phạm?

Luật sửa đổi BLHS đã nêu lên những người tham gia tội phạm (participants à une infraction), theo Điều 21 BLHS, những người được coi là tham gia vào tội phạm, nếu họ thực tế thực hiện nó hoặc nếu họ giúp đỡ hoặc thúc đẩy người nào đó thực hiện tội phạm. Điều 22 BLHS quy định người nào khuyến người khác thực hiện một tội phạm thì người đó cũng được coi là tham gia tội phạm đó. Như vậy, sử dụng cụm từ “người tham gia tội phạm” được phản chiếu trong 2 điều luật trên của BLHS đã mở rộng hơn phạm vi áp dụng TNHS của tổ chức so với

cụm từ “trong khi tổ chức thực hiện tội phạm” mà Tòa án trước đây vận dụng.

Một câu hỏi được đặt ra là những hành vi vật chất nào của cán bộ cấp trên có thể dẫn tới TNHS của pháp nhân?

Để xác định một cán bộ lãnh đạo cấp trên đã phạm một tội, Viện công tố cần phải chứng minh người đó đã thực hiện một hành vi bị cấm và trong trạng thái tinh thần bình thường. Luật sửa đổi bổ sung đã phân biệt giữa các tội được thực hiện bằng lỗi vô ý và tội phạm cố ý và đưa ra những quy định phân biệt giữa chúng.

Để chứng minh một pháp nhân thực hiện một hành vi vật chất, chỉ cần chứng minh được một nhân viên của pháp nhân đó đã thực hiện hành vi liên quan. Tuy nhiên, cần thiết là những người này phải hành động trong khuôn khổ các chức năng của họ trong thời điểm phạm tội.

Đối với các tội phạm vô ý, Tòa án cần phải xác định một người đã hành động một cách vô ý, khinh suất, bàng quan, làm bừa, làm ẩu không quan tâm đến tính mạng và an toàn của người khác.

Nói chung, để quy kết một pháp nhân phạm một tội do khinh suất (vô ý), Viện công tố cần phải chứng minh được là một số nhân viên (người lao động) của pháp nhân đã làm một số việc vi phạm và người lãnh đạo cấp trên đã không áp dụng những biện pháp cần thiết để ngăn chặn những hành vi đó.

Về yếu tố vật chất của hành vi phạm tội, Điều 22 BLHS sửa đổi năm 2003 quy định một pháp nhân chịu trách nhiệm về hành động hay không hành động vô ý của một trong những nhân viên của nó. Tuy nhiên, tội phạm có thể là kết quả của hành động tập thể của nhiều nhân viên của pháp nhân. Vì thế, không nhất thiết phải đòi hỏi hành vi là chỉ do một người thực hiện.

Về yếu tố chủ quan của hành vi phạm tội, đối với những tội phạm khinh suất, cấu tạo, yếu tố chủ quan của tội phạm (mens rea) được gán cho pháp nhân hoặc tất cả các tổ chức khác thông qua trung gian của lỗi được kết tụ của các người lãnh đạo cấp trên của

pháp nhân (bao gồm các thành viên ban giám đốc giữ quyền tác nghiệp hoặc quyết định). Tổ chức có thể bị coi là phạm tội, nếu, ví dụ người quản lý có trách nhiệm về hệ thống an toàn đã khinh suất không thông báo cho nhân viên những thông tin cần thiết để đảm bảo an toàn tính mạng, sức khoẻ của người lao động dẫn đến tai nạn lao động gây hậu quả chết người.

Phận sự của người lãnh đạo hoàn thành công việc hoặc tiến hành một nhiệm vụ hoặc có tư cách áp dụng các biện pháp đòi hỏi để tránh không gây ra những thương tích thân thể cho người khác. Luật đòi hỏi người chủ áp dụng những biện pháp cần thiết nhằm cung cấp cho người lao động nơi làm việc an toàn. Những người chủ không thực hiện được nghĩa vụ này có thể bị cáo buộc lỗi vô ý phạm tội.

Được coi là phạm tội do lỗi vô ý là trường hợp trong khi bị cáo thực hiện một hành vi (hành động hoặc không hành động) đã vô tâm, bàng quan, làm bừa làm ẩu, không thận trọng đối với sức khoẻ và sự an toàn của người khác trong khi họ có nghĩa vụ pháp lý để hành động. Nghĩa vụ này được dự liệu trong các đạo luật tương ứng.

Đối với tội cố ý, Điều 22.2 BLHS sửa đổi dự liệu ba trường hợp mà một pháp nhân có thể phạm một tội đòi hỏi chủ thể có nhận thức rõ sự việc hoặc có ý định phạm tội. Trong tất cả các trường hợp, trọng tâm của điểm nhấn đặt trên người cán bộ lãnh đạo của pháp nhân, người cần phải có ý định làm lợi cho tổ chức thông qua việc thực hiện hành vi phạm tội.

Trường hợp thường hay gặp của TNHS của pháp nhân là trường hợp một cán bộ cấp trên thực tế đã phạm một tội để có lợi trực tiếp cho pháp nhân;

Tuy nhiên, các cán bộ cấp trên lãnh đạo những người khác thường ngày và nói với họ những gì cần phải làm. Cho nên, BLHS mới quy định rõ ràng là pháp nhân bị coi là phạm tội nếu cán bộ cấp trên có ý định để người cấp dưới vô tội thực hiện hành vi vật chất nhằm thu lợi cho pháp nhân.

Ví dụ, một cán bộ cấp trên ra lệnh cho các nhân viên dùng các tài sản đã trộm cắp để cho pháp nhân được hưởng lợi. Để làm việc đó, cán bộ cấp trên cho các nhân viên những chỉ thị xui khiến họ mua hàng của người bán hàng với giá rất hạ, anh ta biết chỉ có người bán hàng này mới cung cấp những tài sản đó với giá như vậy bởi vì đó là tài sản trộm cắp được. Những nhân viên của pháp nhân không có ý định phạm tội và vì vậy là những người vô tội. Ngược lại, pháp nhân bị cáo buộc phạm tội.

Cuối cùng, một pháp nhân hoặc các tổ chức khác có thể bị kết tội, nếu một cán bộ cấp trên biết là những nhân viên dưới quyền sẽ phạm một tội phạm và rằng anh ta không hề làm gì để ngăn cản bởi vì anh ta muốn pháp nhân hoặc tổ chức của mình được hưởng lợi từ việc phạm tội của các nhân viên này.

Tóm lại, để quy kết tội phạm cho pháp nhân các Tòa án Canada đã vận dụng nguyên tắc đồng nhất hoá. Theo nguyên tắc này các pháp nhân phải chịu TNHS về những hành vi phạm tội được thực hiện bởi những người lãnh đạo của pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân đó. Những người này phải hành động hoặc không hành động trong khuôn khổ các quyền hạn hoặc chức năng của mình. Pháp nhân cùng với những người thực hiện hành vi phạm tội đều phải chịu TNHS và hình phạt. Pháp nhân sẽ không phải chịu TNHS nếu cá nhân đó đã hành động hoặc không hành động gây thiệt hại cho pháp nhân.

4. Hình phạt áp dụng cho pháp nhân phạm tội

Bởi vì không thể áp dụng các hình phạt tước quyền tự do đối với các pháp nhân, BLHS Canada chỉ quy định hình phạt tiền áp dụng đối với pháp nhân phạm tội. Đối với các tội được xét xử theo thủ tục rút ngắn (tức là các tội ít nghiêm trọng mà mức hình phạt tù cao nhất áp dụng với cá nhân phạm tội là 6 tháng và/hoặc mức phạt tiền cao nhất là 2000\$), nếu như Điều 719 (647) BLHS cũ quy định mức tiền phạt cao nhất áp dụng đối với pháp nhân là 25.000\$ thì nay theo BLHS

mới sửa đổi năm 2003 mức phạt tiền cao nhất đối với loại tội phạm này là đến 100.000\$. Đối với các tội phạm nghiêm trọng, BLHS trước và sau khi sửa đổi không quy định mức phạt tiền mà do Tòa án quyết định đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Để quyết định hình phạt đối với tổ chức phạm tội do khinh xuất, Tòa án cần phải tính đến các yếu tố mới được quy định tại Điều 718.21 BLHS sửa đổi như: Những lợi ích mà pháp nhân, tổ chức đã nhận được từ việc thực hiện tội phạm; mức độ phức tạp của quá trình chuẩn bị, sửa soạn gắn với việc phạm tội và cũng như sự phức tạp của chính bản thân tội phạm; việc mà pháp nhân, tổ chức đã mưu tính che giấu tài sản hiện có hoặc chuyển dịch nó nhằm tránh né việc trả tiền phạt hoặc bồi thường; hậu quả mà hình phạt gây ra đối với khả năng tồn tại được về kinh tế đối với pháp nhân, tổ chức và công ăn việc làm của nhân viên pháp nhân, tổ chức đó; cái giá phải chịu của các cơ quan công quyền trong khuôn khổ cuộc điều tra, truy tố, xét xử liên quan tới tội phạm của pháp nhân, tổ chức; tất cả những khoản sửa chữa, bồi thường thiệt hại mà pháp nhân, tổ chức phải chịu hoặc phải thực hiện vì lợi ích của người bị hại...

5. Kết luận:

Từ kết quả nghiên cứu chế định TNHS của pháp nhân trong LHS Canada có thể rút ra những kết luận sau:

Trong truyền thống Common law, Anh là nước đầu tiên xác lập chế định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự trên cơ sở các án lệ, sau đó chế định này đã lan toả ra các nước khác như Mỹ, Canada, Úc, Na-Uy ... Tiếp thu kinh nghiệm của các Tòa án Anh trong việc giải quyết vấn đề TNHS của pháp nhân, ngay từ cuối thế kỷ XIX, các Tòa án Canada tiến hành xử lý về hình sự đối với pháp nhân phạm tội. Các Tòa án, trên cơ sở các phán quyết từ vụ án này đến vụ án khác đã xây dựng nên chế định TNHS của pháp nhân trong LHS của nước mình. Đến khi có

Luật sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2003 có hiệu lực ngày 31/3/2003 thì chế định TNHS của pháp nhân trong LHS của Canada đã được hoàn thiện một cách cơ bản.

Pháp nhân với tư cách là chủ thể của TNHS có thể là những thực thể có tổ chức hoặc thực thể cá thể có tư cách pháp nhân (corporations), nhưng cũng có thể là các nhóm, hội, hiệp hội... không có tư cách pháp nhân. Như vậy, pháp nhân với tư cách là chủ thể TNHS rộng hơn nhiều so với pháp nhân với tư cách là chủ thể trách nhiệm dân sự, kinh tế.

Pháp nhân hoặc tổ chức có thể bị truy cứu TNHS đối với mọi tội phạm được quy định trong BLHS và các luật chuyên ngành. Cũng như ở Anh, đối với pháp nhân phạm tội chỉ có phạt tiền là hình phạt duy nhất được áp dụng. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với pháp nhân phạm tội, các Thẩm phán cần phải dựa vào những yếu tố nhất định được luật quy định để xác định mức phạt tiền áp dụng.

Trong thực tiễn xét xử, các Thẩm phán Canada đã đưa ra những giải pháp khác nhau để có thể áp dụng chế định TNHS của pháp nhân. Một trong những giải pháp đó mà hiện nay pháp luật hình sự nước này đã hoàn toàn chấp nhận là lý thuyết đồng nhất hoá. Theo lý thuyết này một số người chủ yếu có quyền quyết định trong pháp nhân (các cán bộ cấp trên - những người đảm nhận vai trò quan trọng trong: việc soạn thảo những định hướng của tổ chức hoặc quản lý những lĩnh vực hoạt động quan trọng của tổ chức) được đồng nhất hoá với pháp nhân tới mức các hành vi mà họ thực hiện trong khuôn khổ chức năng nhiệm vụ của họ hoặc hoạt động của pháp nhân hoặc vì lợi ích của pháp nhân luôn luôn được đánh giá như là các hành vi của pháp nhân. Toàn bộ yếu tố lỗi thuộc về những người này cũng được coi là của pháp nhân. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân.